

MỘT SỐ XU HƯỚNG DẠY HỌC HIỆN ĐẠI VÀ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TRƯỜNG ĐHNN - ĐHQG HÀ NỘI

Đặng Thị Lan

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG, Hà Nội

Trong mấy thập niên gần đây trên phạm vi Quốc tế đã xuất hiện nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến lĩnh vực dạy học. Đó là sự bùng nổ dân số, vấn đề bất bình đẳng trong giáo dục, vấn đề cạnh tranh và hòa nhập Quốc tế, đặc biệt là sự bùng nổ thông tin do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra với một tốc độ và quy mô ngày càng rộng lớn.

Các nhà nghiên cứu giáo dục đều cho rằng nền giáo dục nói chung và nền giáo dục Đại học nói riêng đang đứng trước ngưỡng cửa của một thời kỳ cách mạng trong dạy học, đòi hỏi một sự chuyển biến sâu rộng cả về phương diện lý luận lẫn thực tế.

Chính vì thế việc nghiên cứu lý luận dạy học và ứng dụng vào thực tế được nhiều quốc gia, nhiều nhà khoa học quan tâm, coi việc đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Tuy nhiên do đặc điểm lịch sử kinh tế xã hội ở mỗi nước khác nhau nên cách tiếp cận và giải quyết khác nhau. Thậm chí ngay trong một nước cũng có nhiều trường phái có xu hướng nghiên cứu và ứng dụng phong phú và đa dạng. Do đó việc thống kê, phân loại các xu hướng dạy học hiện đại quả là việc làm rất phức tạp và hiện nay có nhiều tranh luận.

1. MỘT SỐ XU HƯỚNG DẠY HỌC HIỆN ĐẠI

1.1. Quan điểm của GS. Dương Thiệu Tống chia các xu hướng dạy học thành 2 cấp độ: cấp độ lý thuyết và cấp độ thực tế.

+ Về cấp độ lý thuyết: Theo đề nghị của Bruner phải xây dựng một lý thuyết dạy học đảm bảo 3 yêu cầu:

- Thứ nhất, phải quan tâm nhiều hơn đến các kinh nghiệm tối ưu để đặt người học vào tư thế sẵn sàng và có hứng thú học tập.

- Thứ hai, phải đề cập đến các loại cấu trúc theo đó kiến thức sẽ có thể được xếp đặt hợp lý.

- Thứ ba, lý thuyết cũng phải tìm hiểu các trình tự, theo đó các chất liệu học tập được tổ chức để đạt hiệu quả tối ưu.

+ Về cấp độ thực tiễn có 3 khuynh hướng chính:

- Áp dụng công nghệ dạy học

- Chuyển trọng tâm quá trình dạy học từ người dạy sang người học

- Nội dung dạy học vẫn quan trọng nhưng được quy định bởi mục tiêu đào tạo. Các mục tiêu này phải được xác định rõ ràng và phải công khai hoá cho người học.

1.2. GS. Nguyễn Ngọc Quang có nêu 3 nét đặc trưng cơ bản của xu hướng đổi mới phương pháp dạy học.

+ Đổi mới cách dạy học cả về mục tiêu (MT), nội dung (ND) lẫn phương pháp (PP), tạo ra những hệ dạy học mềm dẻo, đa năng và hiệu nghiệm.

+ Sự chuyển hoá của phương pháp khoa học kỹ thuật thành phương pháp dạy học, thông qua xử lý sự phạm. Đây chính là xu hướng thế giới đầy triển vọng của công việc sáng tạo ra hệ dạy học mới và phương pháp dạy học mới.

+ Tiếp cận hệ thống đã và đang thâm nhập vào giáo dục như một công cụ phương pháp luận hiệu nghiệm. Việc đổi mới phương pháp dạy luôn gắn liền và chịu sự chi phối của MT, ND lẫn hình thức tổ chức dạy học.

Một số tác giả khác khi nói đến các xu hướng dạy học cũng thường xoay quanh những vấn đề: Lấy người học làm trung tâm, phương pháp "đặt và giải quyết vấn đề".

Tất cả những xu hướng trên đều tập trung vào giải quyết những vấn đề có tính chất thời đại là: Đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; bình đẳng về giáo dục cho mọi người; nâng suất chất lượng và hiệu quả.

Qua đó ta cũng thấy về cấp độ lý thuyết việc nghiên cứu lý luận dạy học mang tính chất duy vật biện chứng ngày càng rõ nét với quan điểm xuất phát từ thực tiễn, phù hợp với thực tiễn.

Căn cứ vào thực tiễn và các thông tin về vấn đề dạy học hiện nay, theo chúng tôi có thể chia các xu hướng dạy học thành hai cấp độ: ở cấp độ lý thuyết thì phương pháp tiếp cận hệ thống ngày càng trở thành phương pháp có hiệu quả để nghiên cứu khoa học nói chung và quá trình dạy học nói riêng; Còn ở cấp độ thực tế thì:

- Xu hướng đổi mới đồng bộ MT, ND, PP, PT (phương tiện) tạo ra những hệ dạy học mềm dẻo, đa năng và hiệu nghiệm vận hành theo nguyên lý mới: "Phân hoá - Cá thể hóa"; "Tự học có hướng dẫn"; "Học tập thường xuyên - học suốt đời";...

- Xu hướng dạy học "Lấy người học làm trung tâm" (dạy học hướng vào người học).

- Xu hướng áp dụng công nghệ dạy học

1.3. Tiếp cận hệ thống là cụ thể hoá của phương pháp nhận thức biện chứng, là hệ phương pháp dùng để nghiên cứu đối tượng mà đối tượng là một hệ toàn vẹn, một chỉnh thể thống nhất.

Tiếp cận hệ thống đòi hỏi phải xem xét đối tượng nghiên cứu như một hệ toàn vẹn phát triển động, có cấu trúc xác định và chuyển vận nhờ sự tương tác theo quy luật riêng của các thành tố của hệ. Như vậy, khi nghiên cứu một đối tượng cần áp dụng phép phân tích hệ thống để tìm ra cấu trúc và chức năng của hệ, từ đó nêu lên được chất lượng toàn vẹn (tức bản chất) của đối tượng nghiên cứu.

Quá trình dạy học là một hệ thống gồm nhiều thành tố tương tác với nhau, vận hành trong môi trường giáo dục của nhà trường và môi trường kinh tế xã hội. Đó là một hệ toàn vẹn phức tạp. Vì vậy, gần đây nhiều nhà nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống để khám phá ra bản chất của nó để sáng tạo ra nhiều hệ dạy học mới trong sự phối hợp thống nhất tối ưu của nhiều thành tố như công nghệ dạy học, dạy học lấy người học làm trung tâm,...

1.4. Xu hướng đổi mới dạy học cả về MT, ND, lẫn PP, PT và tổ chức tạo ra những hệ dạy học mềm dẻo vận hành theo nguyên lý mới.

Diễn hình của xu hướng này là: nội dung dạy học được chia thành nhiều khối kiến thức và sử dụng công nghệ Modun - hoá kiến thức, kiểu đào tạo này đảm bảo cho mỗi sinh viên có thể lựa chọn tiến trình học tập riêng thích hợp với khả năng và điều kiện của bản thân nhưng không gây nên sự phức tạp quá mức cho trường đại học.

Theo công nghệ Modun - hoá kiến thức thì kiến thức được phân chia thành các môn học không quá lớn (học phần), mỗi môn học được đánh giá định lượng bằng các đơn vị đo lường (đơn vị học trình) dựa vào khối lượng lao động của sinh viên bỏ ra để học được môn học đó.

Hiện nay rất nhiều nước trên thế giới dùng công nghệ Modun - hoá kiến thức trong dạy học đại học. Kiểu Modun - hoá kiến thức phổ biến nhất là hệ thống tín chỉ được sử dụng ở nhiều nước Bắc Mỹ, Châu Âu và Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

Ngày nay với sự phát triển vũ bão của khoa học công nghệ, sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế thị trường và sự giao lưu quốc tế mạnh mẽ đòi hỏi phải thiết kế được hệ dạy học mềm dẻo, linh hoạt, dễ thích nghi với thị trường lao động và có hiệu quả. Hệ dạy này mang tên là hệ dạy học cá thể hoá hay kế hoạch Keller. Do Fred S. Keller và những cộng sự của ông sáng tạo ra cuối những năm sáu mươi của thế kỷ XX. Từ đó đến nay hệ dạy học này được phát triển mạnh mẽ ở các nước phương Tây và lan ra toàn thế giới. Nó đã mang lại thành tựu to lớn. Bản chất của hệ dạy học này là "tự học - cá thể hóa - có hướng dẫn" và vai trò hướng dẫn chính ở đây là do tài liệu giáo khoa biên soạn theo Modun và những phương tiện dạy học khác đảm nhiệm. Người thầy sẽ được sử dụng tối ưu trong biên soạn tài liệu, giúp đỡ sinh viên học tập và kiểm tra họ khi cần thiết. Thông tin chủ yếu chứa trong tài liệu do sinh viên chiếm lĩnh được bằng con đường tự học sẽ là nguồn thông tin xuất phát. Diễn giảng tiếp theo tự học giúp việc giải đáp thắc mắc, tổng kết và đào sâu, mở rộng kiến thức, kích thích người học tích cực, chủ động hơn trên bước đường chiếm lĩnh chân lý khoa học.

Ngoài việc thực hiện đổi mới PP trên cơ sở đổi mới MT và ND dạy học, tận dụng mặt mạnh của từng PP và chú trọng sự phối hợp các PP còn xuất hiện hướng tiếp cận mới ngày càng rõ nét đó là: Sự chuyển hoá

của các PP khoa học - kỹ thuật thành PP dạy học thông qua xử lý sự phạm: như grap, algorit, modun, mô phỏng,...

1.5. Xu hướng dạy học lấy người học làm trung tâm (dạy học hướng vào người học)

Nói dạy học lấy người học làm trung tâm thì phải hiểu là dạy học tập trung vào người học. Nội dung của tư tưởng dạy học lấy người học làm trung tâm có thể cụ thể hoá thành *các thuộc tính cơ bản*:

+ Một là, chú ý đến các mặt: kinh nghiệm và trình độ kiến thức hiện có, đặc điểm nhận thức của người học và khả năng, điều kiện làm việc cụ thể.

+ Hai là, tìm mọi biện pháp và hình thức khác nhau để kích thích hứng thú tích cực nhận thức của người học

+ Ba là, tìm mọi cách làm cho người học tự suy nghĩ, có ý chí vượt khó, tìm tòi hoạt động nhận thức độc lập.

+ Bốn là, tăng cường cá nhân hóa hoạt động học tập, cần chú ý vận dụng những thành tựu mới của khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại như Modun, Grap,...

+ Năm là, trong kiểm tra đánh giá chú ý khả năng tự đánh giá kết quả của người học.

Để thực hiện dạy học hướng vào người học đòi hỏi MT, ND, PP, PT, tổ chức đào tạo,... trong quá trình thiết kế cũng như thi công đều phải hướng vào người học tạo ra điều kiện tốt nhất để họ phát huy tiềm năng để đạt được năng suất, chất lượng, hiệu quả trong việc tiếp thu tri thức khoa học và hình thành nhân cách, *cụ thể*:

+ MT chú trọng kỹ năng thực hành vận dụng kiến thức, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

+ PP sử dụng các PP dạy học tích cực, coi trọng rèn luyện PP tự học.

Trong dạy học lấy người học làm trung tâm, vai trò tích cực chủ động, sáng tạo của người học được phát huy nhưng vai trò của người dạy không hề bị hạ thấp mà trái lại có yêu cầu cao hơn nhiều. Người dạy phải có trình độ chuyên môn sâu, có trình độ sự phạm lành nghề, có đầu óc sáng tạo và nhạy cảm mới có thể đóng vai trò là người gợi mở, trợ

giúp, hướng dẫn, động viên, cố vấn trong các hoạt động độc lập của người học, đánh thức năng lực tiềm tàng trong người học, chuẩn bị tạo cho họ hoà nhập và tham gia phát triển cộng đồng.

1.6. Xu hướng công nghệ dạy học (CNDH) (CNDH được sử dụng như công nghệ giáo dục theo nghĩa rộng).

Theo nghĩa rộng, công nghệ giáo dục (CNGD) được hiểu là một tập hợp gắn bó chặt chẽ những PP, PT và kỹ thuật tuỳ theo những mục tiêu đang theo đuổi và có liên hệ với nội dung giảng dạy và những lợi ích của người học. Đối với người dạy, sử dụng một CNGD thích hợp có nghĩa là biết tổ chức quá trình học tập và đảm bảo sự thành công của quá trình đó.

CNGD (theo nghĩa rộng) có một số đặc trưng:

+ Tư tưởng cốt lõi của CNGD là sáng tạo quy trình vững bền đảm bảo thực hiện được MT dạy học.

+ CNGD phải là một hệ thống các nhân tố của quá trình dạy học được tổ chức chặt chẽ, gắn bó với nhau thành một thể thống nhất được chương trình hoá khi thực hiện, có tính áp dụng cho người học với tinh thần phát huy tính chủ động, tích cực tự học, tính hợp tác trong hoạt động nhóm, lớp, tập thể; có thể kiểm soát được để đánh giá từng khâu rồi tổng hợp đánh giá toàn bộ quy trình; có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật như những bộ phận hỗ trợ gắn bó hữu cơ với các khâu của quy trình dạy học, do đó có tính hiệu quả cao.

Có thể nói, CNGD là một hướng nâng cao hiệu quả dạy học, trên những quan niệm cơ bản là: Tổ chức khoa học quá trình dạy; sử dụng hợp lý các phương tiện kỹ thuật dạy học, coi người học là chủ thể tích cực chủ động và sáng tạo thực hiện quy trình dạy học dưới sự hướng dẫn, cố vấn, trọng tài của người dạy.

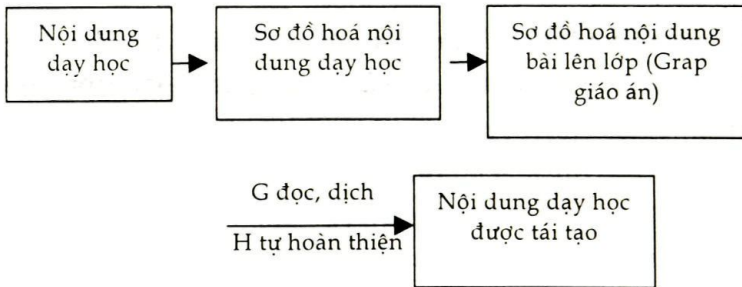
Trên đây là một số xu hướng chính của dạy học hiện đại, đó cũng chính là xu thế của nền giáo dục tương lai và là xuất phát quan trọng để đổi mới PP dạy học trong các trường đại học.

2. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TRƯỜNG ĐHNN - ĐHQG HÀ NỘI

Trải qua 35 năm hình thành và phát triển, trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội đã không ngừng bồi dưỡng, chăm lo đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quan tâm chỉ đạo chặt chẽ việc vận dụng từng bước đổi mới PP dạy học, coi đây là vấn đề then chốt có vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Trong một vài năm gần đây, nhà trường rất chú trọng đổi mới dạy học theo xu hướng tích cực. Ở hầu hết các khoa, các bộ môn trực thuộc đã vận dụng lý thuyết Gráp vào quá trình dạy học.

Gráp (sơ đồ) được hiểu là một tập hợp các yếu tố đỉnh, cùng với các yếu tố cung (yếu tố cạnh). Sự sắp xếp trật tự trước, sau của các đỉnh và cạnh trong sơ đồ cũng như trong sơ đồ có bao nhiêu đỉnh, bao nhiêu cạnh và đỉnh nào được nối với đỉnh nào là điều có ý nghĩa quan trọng, chúng phụ thuộc vào nội dung tri thức cơ bản cụ thể của từng phần, từng bài và từng chương. Trong dạy học, chúng tôi dùng Gráp như một công cụ chủ yếu để truyền thụ và lĩnh hội kiến thức. Nghĩa là giáo viên diễn đạt bài học bằng một sơ đồ (Gráp nội dung bài lên lớp) có kết hợp với các PP dạy học tích cực khác và các PT dạy học hiện đại. Sinh viên tích cực chủ động chiếm lĩnh nội dung bài học, hình thành kỹ năng đọc, dịch và tự lập Gráp nội dung bài học trong sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên thông qua Gráp nội dung bài lên lớp.

Theo cố giáo sư Nguyễn Ngọc Quang; TS, NSND Nguyễn Chính Trung và một số tác giả khác thì PP sử dụng Gráp trong dạy học là như sơ đồ sau:



Từ sơ đồ này, việc sử dụng PP Grap trong dạy học có thể phân thành các giai đoạn:

Giai đoạn 1: Xây dựng sơ đồ nội dung dạy học cho cả giáo viên và sinh viên. Giai đoạn này gồm bốn bước:

+ Tổ chức các đỉnh : Phân tích nội dung, tìm ra các đỉnh (kiến thức chốt) và mối liên hệ giữa chúng (khái quát ngắn gọn, súc tích, bằng các ký hiệu và chữ viết tắt).

+ Thiết lập cung: Thực chất là sắp xếp các đỉnh thành hệ thống và diễn đạt mối liên hệ giữa chúng theo logic phát triển các nội dung đó trên mặt phẳng.

+ Hoàn thiện Grap: Giúp sinh viên lĩnh hội dễ dàng và bảo đảm mỹ thuật về trình bày.

Giai đoạn 2: Xây dựng sơ đồ nội dung bài giảng cho giáo viên. Giai đoạn này gồm các bước:

+ Dựa vào Grap nội dung lập ra Grap giáo án gồm các đỉnh rõng (có chứa nội dung).

+ Tìm cách đặt vấn đề cho từng đỉnh dưới hình thức các câu hỏi.

+ Lựa chọn PP, PT giảng dạy và các ví dụ minh họa phù hợp với từng đỉnh và toàn bài.

+ Chuẩn bị kết luận bài giảng và hướng dẫn ôn tập.

Giai đoạn 3: Thực hiện bài giảng theo PP sơ đồ hoá.

Giáo viên dựa vào Grap giáo án, kết hợp các PP dạy học tích cực khác để truyền đạt kiến thức, sinh viên tích cực lĩnh hội và tự hoàn thiện bài giảng, cụ thể:

+ Khi giảng bài trên lớp, giảng đến đâu cho Grap nội dung hiện đến đó, các vùng kiến thức chốt và mối quan hệ giữa chúng thì cho xuất hiện dần theo trình tự nội dung bài giảng. Khi trình bày Grap nội dung, giáo viên nên sử dụng tổng hợp các PP: diễn giảng, phân tích, gợi mở, nêu vấn đề và những ví dụ minh họa gây hứng thú nhận thức, kích thích tư duy tích cực của sinh viên. Kết thúc bài giảng giáo viên dùng Grap tổng hợp để kết luận.

+ Khi nghe giảng bài sinh viên cần tập trung theo dõi cách đặt vấn đề, cách trình bày các kiến thức chốt và mối liên hệ giữa chúng; đồng thời ghi nhanh những nội dung phân tích của giáo viên theo ý hiểu của mình. Khi sử dụng PP dạy học này, cần in Grap tổng hợp phát cho sinh viên, trong đó có các đỉnh rộng để sinh viên tự hoàn thiện sơ đồ trước, hoặc ôn tập sau mỗi chương, mỗi phần, mỗi bài nhằm củng cố những kiến thức đã lĩnh hội trên lớp.

Dạy học theo lý thuyết Grap là dạy học tích cực, nó giúp sinh viên khả năng phát hiện vấn đề, rèn luyện PP và thói quen tự học, tự nghiên cứu để dễ thích ứng với cuộc sống, hoạt động, công tác sau này. Tuy nhiên do điều kiện khách quan, chủ quan tác động nên PP dạy học Grap chưa được sử dụng nhiều, chưa trở thành hệ PP dạy học chủ yếu ở trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội.

Để đổi mới PP dạy học, chúng ta không kêu gọi ý thức trách nhiệm chung chung, mà phải có những phương hướng, yêu cầu, biện pháp tổ chức cụ thể. Trách nhiệm này là của tất cả mọi người, của các phòng ban, ban Giám hiệu, trước hết là của giáo viên, sinh viên với tư cách là chủ thể của hoạt động dạy học và hoạt động học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức.** *Lý luận dạy học đại học.* ĐHSPHNI 1995.
2. **Vũ Văn Tảo.** *Công nghệ giáo dục - Tổng quan và đề xuất.* Trường cán bộ QLGD - ĐTTW1, Hà Nội 1995.
3. **Nguyễn Chính Trung.** *Vận dụng phương pháp sơ đồ hoá (graph) trong dạy học.* Đề cương bài giảng dùng cho đối tượng sau đại học. HVCT - QS, 02/1997.
4. **Thái Duy Tuyên.** *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học NCGD,* 02/1996.
5. *Nhận thức lại một số khái niệm GDH.* Viện KHGDVN. HN 1996.
6. *Tâm lý học - Giáo dục học.* Một số khuynh hướng tâm lý giáo dục phương tây hiện đại. ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, 1978.